TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Ông Nguyễn Văn Sâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Minh Đoàn – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2017/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTTH, sinh năm 1994, có mặt.

Nơi cư trú: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh TPT, sinh năm 1988, có mặt.

Nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 08 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTTH trình bày:

Chị và anh TPT kết hôn với nhau ngày 14 tháng 04 năm 2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã D. Tổ chức kết hôn xong chị và anh T về chung sống cùng với gia

đình anh T tại xã D. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Từ khoảng tháng 05 năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi làm ăn về không chịu đưa tiền phụ giúp chị nuôi dưỡng, chăm sóc con mà còn đánh đập chị. Đến ngày 17/4/2017 chị về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm với anh T không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu TPL, sinh ngày 17/11/2015, hiện nay cháu đang sống cùng anh T. Ly hôn, chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị là 1.000.000đ/01 tháng.

Hiện nay chị sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn M, xã T, huyện N. Chị làm nghề bán hàng tại thị trấn LT, huyện N với thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ đến 8.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh TPT tại bản lời khai ngày 04/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian sống ly thân như chị H trình bày là đúng. Nhưng anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ khoảng tháng 05/2016 đến nay chị H không tập chung làm ăn, nuôi con mà tự ý nhiều lần bỏ nhà đi. Anh cho rằng chị H có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng hay đánh cãi, chửi nhau. Anh T cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Htrình bày là đúng, hiện nay cháu đang sống cùng anh, ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có gì, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Các bên đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ, đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị giải quyết cho chị H và anh T được ly hôn; về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị NTTH và anh TPT là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 05 năm 2016. Tuy nhiên cũng từ thời điểm này thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hằng ngày các bên không bảo bên được nhau trong công việc và nuôi dạy con chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh cãi chửi nhau, anh T còn nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác, cho nên từ tháng 04/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và thỏa thuận xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, việc các đương sự thỏa thuận xin ly hôn là phù hợp với thực tế và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu TPL, sinh ngày 17/11/2015, hiện nay đang sống cùng anh T. Xét việc hiện nay cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu lại được chị H nuôi dưỡng chăm sóc từ bé. Chị H có công việc, có thu nhập hàng tháng, có cuộc sống độc lập, do vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chi phí cho một trẻ nhỏ sinh sống và học tập bình thường là 2.000.000đ/01 tháng, do vậy cũng cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc buộc anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị là 1.000.000đ/01 tháng.

3. Về phân chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị H và anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu TPL, sinh ngày 17/11/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ/01 tháng, bắt đầu đóng góp từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có thể

lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không nộp đủ khoản tiền đóng góp nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm nộp và thời gian chậm nộp.

3. Về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị NTTH phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001174 ngày 03/08/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Anh TPT phải chịu nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thành Công

Nơi nhận:
- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
- UBND xã D
- Các đ- ơng sự
- L- u hai bản.